

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN, BẢO TỒN DƯỢC LIỆU VÀ ĐÔNG DƯỢC VIỆT NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN, BẢO TỒN DƯỢC LIỆU VÀ ĐÔNG DƯỢC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM PRESERVATION, DEVELOPMENT OF TRADITIONAL MEDICINES AND MEDICINAL MATERIALS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107745090

3. Ngày thành lập: 02/03/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 77, ngõ 349, phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04 6275 4999

Fax: 04 6264 1666

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
2.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
3.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
4.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
6.	Khai thác thủy sản biển	0311
7.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
8.	Khai thác và thu gom than non	0520
9.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
10.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
11.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
12.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
13.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất hoá dược và dược liệu Sản xuất thuốc các loại	2100
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229

15.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
16.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
17.	Khai thác muối	0893
18.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	4649
21.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm khác (thực phẩm chức năng)	4632
22.	Trồng rừng và chăm sóc rừng Chi tiết: Ươm giống cây lâm nghiệp Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ Trồng rừng và chăm sóc rừng tre, nứa Trồng rừng và chăm sóc rừng khác	0210
23.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
24.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
25.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
26.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
27.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
28.	Tái chế phế liệu	3830
29.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
30.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
31.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
32.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
33.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
34.	Trồng cây ăn quả	0121
35.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
36.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
37.	Chăn nuôi gia cầm	0146
38.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
39.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
40.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
41.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
43.	Thu gom rác thải độc hại	3812
44.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
45.	Xây dựng nhà các loại	4100
46.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610

47.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
48.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
49.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
50.	Trồng cây lâu năm khác	0129
51.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
52.	Xây dựng công trình công ích	4220
53.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
54.	Phá dỡ	4311
55.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
56.	Dịch vụ đóng gói	8292
57.	Sản xuất giống thủy sản	0323
58.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
60.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
61.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
62.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
63.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
64.	Bán buôn đồ uống	4633
65.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
66.	Khai thác dầu thô	0610
67.	Chăn nuôi khác	0149
68.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
69.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (phục vụ xét nghiệm, thí nghiệm sinh hóa, hóa học, huyết học), sinh phẩm, vaccine	4669
70.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;	6329
71.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
72.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
73.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	6619
74.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
75.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
76.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
77.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
79.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
80.	Vận tải đường ống	4940

81.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
82.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
83.	Khai thác quặng sắt	0710
84.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
85.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128(Chính)
86.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm hỗ trợ chăn nuôi và nuôi trồng thủy hải sản, sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã)	1079
87.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
88.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
89.	Trồng cây hàng năm khác	0119
90.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
91.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
92.	Trồng cây mía	0114
93.	Bán buôn tổng hợp	4690
94.	Trồng cây lấy sợi	0116
95.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
96.	Chăn nuôi lợn	0145
97.	Khai thác gỗ	0221
98.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
99.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
100.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
101.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên Chi tiết: Hoạt động bảo tồn cây dược liệu, cây đặc sản	9103
102.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
103.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
104.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
105.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
106.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
107.	Bốc xếp hàng hóa	5224
108.	Bưu chính	5310

109.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
------	--	------

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ ANH HOÀNG	Số 3/85/27, đường Tân Xuân, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	117.000	1.170.000.000	39,000	013091558	
			Tổng số	117.000	1.170.000.000	39,000		
2	NGUYỄN VĂN PHONG	Số 6, ngõ Đình Đông, phố Bạch Mai, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	91.500	915.000.000	30,500	011902432	
			Tổng số	91.500	915.000.000	30,500		
3	PHẠM THÁI BÌNH	Phòng 506 – Nhà N2F, Đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	91.500	915.000.000	30,500	034078004185	
			Tổng số	91.500	915.000.000	30,500		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN PHONG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 13/10/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 011902432

Ngày cấp: 20/08/2008

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 6, ngõ Đình Đông, phố Bạch Mai, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 9, ngách 16, ngõ Đình Đông, phố Bạch Mai, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội